

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÌNH THÀNH TRÁCH NHIỆM VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC SỐ: NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI SINH VIÊN UNETI

FACTORS AFFECTING THE FORMATION OF PROFESSIONAL RESPONSIBILITIES AND ATTITUDES TO ADAPT TO THE DIGITAL WORK ENVIRONMENT: A STUDY ON UNETI STUDENTS

Trần Thị Vân, Phạm Vũ Tuấn

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 26/02/2024, chấp nhận đăng ngày 11/04/2024

Tóm tắt: Sự phát triển của nền kinh tế số đang ảnh hưởng làm thay đổi cấu trúc của thị trường lao động. Các đơn vị sử dụng lao động đang đặt ra những yêu cầu về những ứng viên không chỉ có kiến thức, kỹ năng kỹ thuật số tiên tiến, mà còn đặt ra yêu cầu về ý thức, tính cách, động cơ, ý chí, tình cảm tích cực của người lao động đối với môi trường làm việc trên không gian trực tuyến. Bài viết này tập trung nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp đối với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 05 nhân tố: chương trình đào tạo của nhà trường, môi trường học tập của sinh viên, thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số, gia đình và xã hội, định hướng của giảng viên.

Từ khóa: Môi trường làm việc số, thái độ, trách nhiệm, thích ứng.

Abstract: The development of the digital economy is influencing changes in the structure of the labor market. Employers are placing requirements on candidates who not only have advanced digital knowledge and skills, but also require awareness, personality, motivation, will, positive sentiments of workers towards the working environment in the online space. This article focuses on researching factors that influence the formation of professional responsibilities and attitudes towards the digital working environment of students at the University of Economics and Industrial Technology. Research results show that there are 5 factors: the university's training program, students' learning environment, students' habits when operating in a digital environment, family and society, and teachers' orientation.

Keywords: Digital working environment, attitude, responsibility, adaptation.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình số hóa đang đặt ra nhiều đòi hỏi mới cho thị trường lao động. Ngoài những đòi hỏi về kiến thức, kỹ năng kỹ thuật số tiên tiến hơn (năng lực liên quan tới truyền thông và hợp tác trong môi trường số, năng lực liên quan tới quản lý thông tin và dữ liệu, năng lực liên quan tới tư duy phản biện trong môi trường kỹ thuật số, năng lực liên quan tới suy nghĩ sáng tạo, năng lực tự phát triển trong điều kiện không chắc chắn), thái độ tích cực trong môi trường số, rèn luyện trách nhiệm trong

công việc số hóa cũng rất quan trọng. Trách nhiệm trong công việc phản ánh sự chuyên nghiệp và cho thấy mức độ động viên trong công việc, nó cho thấy khả năng đảm bảo các nhiệm vụ được thực hiện đúng cách, đúng thời gian, đạt được các mục tiêu mong muốn.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp trong môi trường làm việc số

Thái độ nghề nghiệp trong môi trường số

được hiểu là những thuộc tính của nhân cách, biểu hiện qua ý thức, tính cách, động cơ, tình cảm, ý chí của chủ thể đối với các hoạt động nghề nghiệp trong môi trường làm việc số.

Trách nhiệm nghề nghiệp trong môi trường số có thể hiểu là những điều mà phải làm, phải gánh vác, phải phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành công việc được giao, với những ràng buộc đối với sự thoả thuận, nếu kết quả thực hiện không hoàn thành hoặc làm sai thì phải gánh chịu hậu quả trong môi trường làm việc số.

Môi trường làm việc số (Digital Workplace), là không gian trực tuyến, là nơi mọi thành viên trong tổ chức có thể tương tác, làm việc với nhau mà không phụ thuộc vào vị trí địa lý.

2.2. Cơ sở lý luận về sự thích ứng nghề nghiệp của sinh viên

Thích ứng nghề nghiệp được hiểu là hiện tượng biến đổi của con người ở hai mặt. Một mặt là sự thích ứng của người lao động với vị thế nghề nghiệp mới của mình, với các điều kiện, đòi hỏi của môi trường làm việc, với bản thân hoạt động nghề nghiệp, mặt khác, là sự thích ứng của họ với những đặc trưng của nghề nghiệp.

2.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Nguyễn Văn Quang, Trần Chí Vĩnh Long (2021), nêu về các mặt thể hiện thích ứng nghề nghiệp của sinh viên, bao gồm: tâm thế nghề nghiệp, nội dung học tập ở trường, phương pháp học tập ở trường, điều kiện và phương tiện học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, mối quan hệ ở trường và xã hội.

Lê Thị Phương Thảo và các cộng sự (2023), thang đo mức độ đáp ứng công việc sau khi ra trường của sinh viên bao gồm: chuyên môn, kỹ năng nghề, năng lực xã hội, năng lực cá thể.

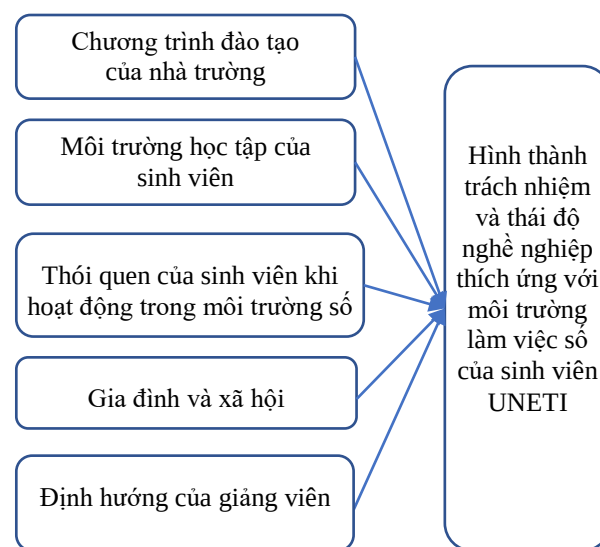
Đỗ Thị Mỹ Trang và các cộng sự (2019), nguyên nhân ảnh hưởng sự thay đổi thái độ

học tập, nghiên cứu của sinh viên là: nhận thức về học tập và niềm tin vào khả năng bản thân của sinh viên, sự yêu thích và lựa chọn ngành phù hợp của sinh viên; phương pháp giảng dạy của giảng viên; hệ thống cơ sở vật chất; chương trình học; phương tiện học tập.

Muhammad Noor Fitriyanto, Pardjono (2019), môi trường học tập, hiểu biết về nơi làm việc, sở thích và tài năng của sinh viên, kết quả học tập và kinh tế gia đình có ảnh hưởng tới kỹ năng làm việc của sinh viên.

Trên cơ sở tham khảo kết luận từ các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về các yếu tố liên quan ảnh hưởng tới sự hình thành kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu với các giả thuyết nghiên cứu như sau: các nhân tố Chương trình đào tạo của Nhà trường; Môi trường học tập của sinh viên; Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số; Gia đình và xã hội; Định hướng của giảng viên đều có quan hệ thuận chiều với sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

Mô hình nghiên cứu được đề xuất



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

Bảng 1. Nội dung thang đo nghiên cứu

Mã hóa	Nội dung	Nguồn tham khảo để đề xuất
CT	Chương trình đào tạo của nhà trường	Trần Đức Hòa, Đỗ Văn Hùng (2021)
CT1	Chương trình đào tạo tại Nhà trường nêu rõ mục tiêu về thái độ, trách nhiệm trong công việc số hoá	
CT2	Chương trình đào tạo tại Nhà trường nêu rõ các chuẩn đầu ra về khả năng thích nghi với môi trường làm việc số	
CT3	Tỷ lệ online trong chương trình đào tạo phù hợp để giúp sinh viên tự tin thích nghi môi trường làm việc số	
CT4	Chương trình đào tạo tại Nhà trường giúp sinh viên tạo lập thái độ làm việc chuyên nghiệp	
CT5	Chương trình đào tạo tại Nhà trường giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tạo lập mối quan hệ trong công việc qua kênh trực tiếp và trực tuyến	
MT	Môi trường học tập của sinh viên	Nguyễn Văn Quang, Trần Chí Vĩnh Long (2011); Lê Thị Phương Thảo, Lê Thị Phương Thanh, Tống Viết Bảo Hoàng (2023); Huỳnh Thị Lệ Mỹ (2022)
MT1	Các phòng học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị, máy tính phục vụ học tập hiện đại, cập nhật phần mềm mới nhất	
MT2	Mạng Internet phủ sóng toàn trường, sinh viên dễ dàng truy cập để học tập, nghiên cứu, thi cử trực tuyến	
MT3	Các website, fanpage của Nhà trường thiết kế khoa học, dễ truy cập và tìm kiếm tài liệu, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo nguồn tài liệu số, trao đổi trực tuyến	
MT4	Các công cụ trực tuyến tài khoản email, LMS được cung cấp và hướng dẫn sử dụng đầy đủ cho sinh viên	
MT5	Văn hóa ứng xử trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông được triển khai thường xuyên trong văn hóa học đường UNETI.	
SV	Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số	Trần Chí Vĩnh Long (2012); Huỳnh Thị Lệ Mỹ (2022); John N. Kamnu, Mary M. Njau, Jacinta Wanyagi (2014)
SV1	Sinh viên có thói quen tốt trong sử dụng các thiết bị số (điện thoại thông minh, ipad, laptop) hiệu quả trong học tập và công việc hàng ngày	
SV2	Tham gia và hoạt động tích cực, nghiêm túc tại các lớp học, hoạt động trực tuyến khác tại Trường	
SV3	Khi tham gia mạng xã hội tuân thủ tốt các chuẩn mực: tôn trọng, tuân thủ pháp luật, lành mạnh, an toàn, bảo mật thông tin, trách nhiệm	
SV4	Sử dụng hiệu quả zalo, email, facebook trong giao tiếp và kết nối với những người xung quanh trong học tập, NCKH	
GD	Gia đình và xã hội	ILO (2021); John N. Kamnu, Mary M. Njau, Jacinta Wanyagi
GD1	Nghề nghiệp của bố mẹ tác động tốt tới nhận thức về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp trong môi trường số	
GD2	Nhận được sự hỗ trợ tốt từ bố mẹ trong mua sắm các thiết bị số	

Mã hóa	Nội dung	Nguồn tham khảo để đề xuất
GD3	Nhận được định hướng, giáo dục của gia đình một cách thường xuyên về các vấn đề đạo đức xã hội	(2014)
GD4	Xã hội phát triển, môi trường số hóa tạo ra nhiều công việc mới, thay đổi cách thức làm việc tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên hội nhập hóa từ tư duy nghề nghiệp đến thái độ, trách nhiệm	
GD5	Những mối quan hệ tiếp xúc, va chạm hàng ngày cũng hình thành những tư duy về thái độ trách nhiệm nghề nghiệp sau này	
GV	Định hướng của giảng viên	Đỗ Thị Mỹ Trang, Đỗ Mạnh Cường, Đoàn Thị Huệ Dung (2019); Muhammad Noor Fitriyanto, Pardjono (2019)
GV1	Giảng viên rất sáng tạo, sử dụng liên kết nhiều công cụ, phần mềm công nghệ trong quá trình dạy trực tuyến đã giúp sinh viên làm quen tốt với môi trường số	
GV2	Giảng viên có nhiều kiến thức về thời đại công nghệ 4.0 truyền đạt, cung cấp kiến thức nghề nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm làm việc và giới thiệu các công cụ nghề nghiệp cho sinh viên sát với thực tế	
GV3	Giảng viên đưa ra nhiều đề tài liên quan đến công nghệ, kinh tế, xã hội, đặc biệt là nền kinh tế số cho sinh viên tìm hiểu để thuyết trình trước đám đông	
GV4	Giảng viên luôn đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy, đưa ra các lời khuyên về trách nhiệm, kiến thức xã hội, ...	
GV5	Quá trình tư vấn, trao đổi công việc thường xuyên của giảng viên với sinh viên qua các công cụ trực tuyến (email, LMS, zalo, facebook, google meet, zoom) giúp sinh viên rèn luyện thái độ, trách nhiệm thích ứng với môi trường làm việc số	

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU SƠ CẤP

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi với kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng khảo sát trực tiếp kết hợp khảo sát online qua google form. Số lượng phiếu câu hỏi đạt yêu cầu được nhập liệu làm cơ sở cho phân tích dữ liệu là 200. Đối tượng khảo sát là sinh viên năm cuối thuộc khối ngành kinh tế, kỹ thuật Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trong khoảng thời gian từ 9/2023 đến 12/2023.

Dữ liệu sau khi thu thập, được mã hoá, làm sạch và phân tích, đánh giá độ tin cậy thang

đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích mối tương quan, phân tích hồi quy thông qua phần mềm SPSS 20.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Phân tích hệ số Cronbach's Alpha thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cho kết quả như sau: Chương trình đào tạo của Nhà trường có hệ số Cronbach's Alpha = 0,933; Môi trường học tập có hệ số

Cronbach's Alpha = 0,915; Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số có hệ số Cronbach's Alpha = 0,920; Gia đình và xã hội có hệ số Cronbach's Alpha = 0,907; Định hướng của giảng viên có hệ số Cronbach's Alpha = 0,940. Như vậy, các biến quan sát có đủ độ tin cậy và tính gắn kết đáp ứng được yêu cầu trong phân tích nhân tố khám phá ở bước tiếp theo.

4.2. Kiểm định giá trị thang đo bằng phương pháp EFA

Hệ số KMO = 0,933 > 0,5: phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả kiểm định Bartlett's Test là 4068,62 với mức ý nghĩa sig = 0,000 < 0,05, điều này

chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp.

Bảng 2. Hệ số KMO and Bartlett's Test

Hệ số KMO		0.933
Kiểm định Bartlett	Chi bình phương xấp xỉ	4068,62
	Mức ý nghĩa	0,000

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

4.3. Phân tích ma trận tương quan

Ma trận này cho biết mức độ chặt chẽ của liên hệ tương quan tuyến tính giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập và giữa các biến độc lập với nhau.

Bảng 3. Ma trận tương quan

Correlations						
	C	CT	MT	SV	GD	GV
C	1	,674**	,638**	,629**	,661**	,697**
CT		1	,532**	,522**	,482**	,502**
MT			1	,514**	,579**	,471**
SV				1	,480**	,484**
GD					1	,522**
GV						1

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Với kết quả ma trận tương quan ở trên, mối quan hệ giữa biến Chương trình đào tạo của nhà trường với biến Gia đình và xã hội; Môi trường học tập của sinh viên với biến Định hướng của giảng viên; Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số với biến Gia đình và xã hội, biến Định hướng của giảng viên có sự tương quan có mối tương quan trung bình (hệ số Pearson Correlation nằm trong khoảng 0,3 đến 0,49). Mối quan hệ giữa các biến còn lại là mạnh (hệ số Pearson

Correlation nằm trong khoảng 0,5 đến 1).

4.4. Phân tích hồi quy

Hệ số xác định R^2 là 0,725 cho thấy các biến độc lập trong mô hình: (1) Chương trình đào tạo của nhà trường; (2) Môi trường học tập của sinh viên; (3) Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số; (4) Gia đình và xã hội; (5) Định hướng của giảng viên, có thể giải thích 72,5% sự biến thiên của mô hình, còn lại 27,5% là yếu tố khác ngoài mô hình giải thích.

Bảng 4. Kết quả hồi quy

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-,935	,225		-4,150	,000		
	CT	,318	,063	,247	5,025	,000	,584	1,713
	MT	,168	,057	,150	2,952	,004	,546	1,830
	SV	,191	,054	,172	3,549	,000	,604	1,655
	GĐ	,226	,054	,210	4,186	,000	,561	1,783
	GV	,308	,048	,309	6,421	,000	,611	1,638
a. Dependent Variable: C								

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Thông qua kết quả hồi quy cho thấy: hệ số beta thấp nhất là 0,168 (MT và C) và cao nhất là 0,318 (CT và C). Nói theo cách khác thì môi trường học tập đang ảnh hưởng ít nhất đến C và chương trình đào tạo của Nhà trường ảnh hưởng nhiều nhất đến C. Các giá trị p (sig) cho tất cả các trường hợp đều nhỏ hơn 0,05 do đó các tác động này đều có ý nghĩa. Các hệ số phóng đại phương sai VIF đều nhỏ hơn 2 chứng tỏ không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Phương trình hồi quy có dạng:

$$C = -0,935 + 0,318CT + 0,168MT + 0,191SV + 0,226GĐ + 0,308GV$$

Qua phương trình hồi quy cho thấy, nếu giữ nguyên các biến độc lập còn lại không đổi thì khi điểm đánh giá về “Chương trình đào tạo của nhà trường” tăng 1 điểm thì hiệu quả tăng cường sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sẽ tăng trung bình lên 0,318 điểm. Tương tự, khi điểm đánh giá về

“Môi trường học tập của sinh viên” tăng 1 điểm thì hiệu quả tăng cường sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sẽ tăng trung bình lên 0,168 điểm; khi điểm đánh giá về “Thói quen của sinh viên khi hoạt động trong môi trường số” tăng lên 1 điểm thì hiệu quả tăng cường sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sẽ tăng trung bình lên 0,191 điểm; khi điểm đánh giá về “Gia đình và xã hội” tăng lên 1 điểm thì hiệu quả tăng cường sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp sẽ tăng trung bình lên 0,226 điểm; khi điểm đánh giá về “Định hướng của giảng viên” tăng lên 1 điểm thì hiệu quả tăng cường sự hình thành trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ

thuật Công nghiệp sẽ tăng trung bình lên 0,308 điểm.

5. KIẾN NGHỊ

Để hỗ trợ sinh viên tăng cường rèn luyện, hình thành thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp thích ứng với môi trường làm việc số, căn cứ vào kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Đối với nhà trường, cần: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, đầu tư các phương tiện số hiện đại vào trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và quản lý để sinh viên làm quen với môi trường số. Thiết lập, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các đơn vị sử dụng lao động để trao đổi kinh nghiệm làm cơ sở cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và quản lý, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ. Thường xuyên tổ chức tập huấn ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ giảng viên, xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên yêu nghề, yêu trò, phát huy vai trò là tấm gương sáng trong giáo dục thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. Duy trì, và triển khai thường văn hóa học đường, tăng cường giáo dục đạo đức cho sinh viên về văn hóa ứng xử trong không gian mạng.
- Đối với sinh viên, cần: chủ động và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động ngoại khóa để rèn luyện thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với môi trường làm việc nói chung, môi trường số nói riêng. Nhận thức đúng đắn về các chuẩn

mức ứng xử khi tham gia mạng xã hội. Xác định đúng đắn động cơ, mục đích, phương pháp giao tiếp và kết nối với những người xung quanh qua các phương tiện truyền thông khác nhau.

- Đối với giảng viên, cần: Trong công tác quản lý sinh viên, cần có cách thức quản lý phù hợp, quan tâm thường xuyên, uốn nắn thái độ, giáo dục tư tưởng trách nhiệm cho sinh viên. Trong công tác giảng dạy, cần dẫn dắt sinh viên tìm hiểu kiến thức, kỹ năng, thái độ cần hình thành sau từng bài học, để qua đó thái độ nghề nghiệp của sinh viên được hình thành và rèn luyện trong quá trình học. Khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, ứng dụng công số vào công việc hàng ngày một cách hiệu quả.
- Các bậc cha mẹ cần quan tâm, tìm hiểu hỗ trợ sinh viên có những điều kiện về thiết bị số cần thiết phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học, gia đình nên quan tâm định hướng thái độ đúng đắn, và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Trong việc lựa chọn vị trí nghề nghiệp, cha mẹ cần căn cứ vào đòi hỏi thực tế của xã hội, năng lực, sở trường của con để tư vấn, định hướng con cái tích lũy những kỹ năng, kiến thức, rèn luyện thái độ cần thiết thích ứng tốt với môi trường làm việc trong tương lai.
- Tổ chức đoàn thanh niên, hội sinh viên đẩy mạnh các hoạt động, phong trào một cách đa dạng để sinh viên có cơ hội rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp ngay sau khi tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Thị Mỹ Trang, Đỗ Mạnh Cường, Đoàn Thị Huệ Dung “Đánh giá sự thay đổi thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh”, HNUE Journal of science, volume 64, issue 4, tr 51-60 (2019).
- [2] Huyền Thị Lệ My, Kỹ năng cần thiết để trở thành công dân số trong thời đại 4.0, Kỳ yếu hội thảo khoa học sinh viên 2022-2023, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh, tr43-48 (12/2022).

- [3] Lê thị Phương Thảo, Lê Thị Phương Thanh, Tống Viết Báo Hoàng, Đánh giá mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp đối với yêu cầu của doanh nghiệp tuyển dụng: nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển, tập 132, số 5A, tr167-192, (2023).
- [4] Nguyễn Văn Quang, Trần Chí Vinh Long, Một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên, Tạp chí Khoa học và giáo dục, số 03(19), tr.116-123, (2011).
- [5] Trần Đức Hoà, Đỗ Văn Hùng, Khung năng lực số cho sinh viên Việt Nam, Tạp chí Thông tin và tư liệu, số 1/2021, tr12-21, (2021).
- [6] ILO, Changing demand for skills in digital economies and societies, Literature review and case studies from low-and middle-income countries, p23-34; p.96-110, (2021).
- [7] John N.Kamau, Mary M.njau, Jacinta Wanyagi, Factor influencing work attitude among “Y” generation (a case of africa nazarene university), European Scientific Journal, volume 1, p.636-642, (2014).
- [8] Muhammad Noor Fitriyanto, Pardjono, Factor affecting the employability skills of vocational students majoring mechanical engineering, Jural Pendidikan Vokasi, volume 9, No 2, p. 132-140, (2019).

Thông tin liên hệ: **Trần Thị Vân**

Điện thoại: 0399186982 - Email: ttvan@uneti.edu.vn

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

-
-